

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHU VỰC 10 - TÂY NINH Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 162/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 27-5-2026

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - TÂY NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Liên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hùng;
2. Ông Lê Văn Thuận.

Thư ký phiên tòa: Ông Thái Công Danh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh tham gia phiên tòa:
Bà Huỳnh Thị Kim Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 364/2026/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2026 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 136/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1983; Căn cước công dân số 072183000603 cấp ngày 21/9/2022 tại Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Địa chỉ thường trú: Số A, đường số A B, khu phố N, phường B, tỉnh Tây Ninh.
Nơi ở hiện nay: Số F, đường số B B, khu phố N, phường B, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt
có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Bị đơn: Anh Trần Sơn V, sinh năm 1980; Chứng minh nhân dân số 290663376.

Địa chỉ thường trú: Số A, đường số A B, khu phố N, phường B, tỉnh Tây Ninh.
Nơi ở hiện nay: Số F, đường số B B, khu phố N, phường B, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt,
có đơn xin giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày **06/3/2026**, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu H trình bày: Chị và anh Trần Sơn V tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn năm 2010 tại Ủy ban nhân dân xã N, thành phố T (nay là Ủy ban nhân dân phường T), tỉnh Tây Ninh.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống bình thường. Đến khoảng năm 2024, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn gay gắt, nguyên nhân là do anh V có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, thường xuyên tiêu xài hoang phí, sống vô tâm với vợ con. Khoảng hơn 01 năm nay sống tuy sống chung nhà nhưng vợ chồng không ngủ chung, đã sống ly thân với nhau. Cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên chị yêu cầu được ly hôn với anh V.

Về con chung: Chị và anh V có 02 (hai) con chung tên là Trần Kiều Thanh N và Trần Phi Hải Y, cùng sinh ngày 09/10/2009. Ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

** Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù bị đơn anh Trần Sơn V đã được Toà án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng anh V không đến Toà án làm việc, không gửi văn bản ý kiến trình bày về yêu cầu khởi kiện của chị H mà chỉ gửi đơn xin giải quyết vắng mặt.*

* Tại phiên toà:

- Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Trần Sơn V vắng mặt, có đơn xin giải quyết vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Toà án khu vực 10 - Tây Ninh phát biểu quan điểm như sau:

+ Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm nghị án đều thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự vắng mặt tại phiên toà.

+ Về nội dung: Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu H.

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu H được ly hôn với anh Trần Sơn V.

Về con chung: Giao 02 (hai) con chung tên là Trần Kiều Thanh N và Trần Phi Hải Y, cùng sinh ngày 09/10/2009 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ghi nhận chị H không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi các con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thị Thu H khởi kiện yêu cầu ly hôn, giải quyết vấn đề con chung đối với anh Trần Sơn V cư trú tại phường B, tỉnh Tây Ninh. Do vậy xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” và Toà án nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh có thẩm quyền giải quyết theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc vắng mặt của các đương sự: Tại phiên toà hôm nay, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu H và bị đơn anh Trần Sơn V đều vắng mặt, có đơn xin giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị H, anh V tự nguyện chung sống với nhau và đăng ký kết hôn vào năm 2010 tại Ủy ban nhân dân phường N, thành phố T, tỉnh Tây Ninh (nay là Ủy ban nhân dân phường B, tỉnh Tây Ninh). Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Theo lời trình bày của chị H, cuộc sống hôn nhân của chị H, anh V không hạnh phúc, đã sống ly thân khoảng 01 năm nay do anh V có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, tiêu xài hoang phí, sống vô tâm với vợ con.

Xuyên suốt quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Toà án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, triệu tập nhiều lần nhưng anh V không đến Tòa làm việc, không có văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của chị H. Điều này cho thấy anh V không có biểu hiện, động thái tích cực và thiện chí để giải quyết mâu thuẫn vợ chồng, thuyết phục chị H hàn gắn mối quan hệ vợ chồng. Do vậy Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị H và anh V có 02 (hai) con chung tên là Trần Kiều Thanh N và Trần Phi Hải Y, cùng sinh ngày 09/10/2009. Ly hôn, chị H yêu cầu được nuôi dưỡng hai con chung là phù hợp với nguyện vọng của các con chung. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao 02 con chung Trần Kiều Thanh N và Trần Phi Hải Y cho chị H trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận chị H không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi các con chung. Sau khi ly hôn, anh V có quyền thăm nom các con chung theo quy định pháp luật, không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị H không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung; mặt khác anh V không có ý kiến về các vấn đề này nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị H phải chịu án phí ly hôn theo quy định pháp luật, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí khởi kiện chị đã nộp.

[4] Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu H về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” đối với anh Trần Sơn V.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu H được ly hôn với anh Trần Sơn V.

- Về con chung: Giao 02 (hai) con chung tên là Trần Kiều Thanh N, sinh ngày 09/10/2009 và Trần Phi Hải Y, sinh ngày 09/10/2009 cho chị Nguyễn Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ghi nhận chị Nguyễn Thị Thu H không yêu cầu anh Trần Sơn V cấp dưỡng nuôi hai con chung.

Sau ly hôn, anh V có quyền, nghĩa vụ thăm nom các con chung theo quy định pháp luật, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí khởi kiện chị đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004960 ngày 13/3/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh. Ghi nhận chị H đã nộp xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND KV10 - Tây Ninh;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- UBND P.Bình Minh;
- Đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Bùi Thị Liên